

Số: 113/BC-CTK

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 3 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình biến động giá cả hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng trên thị trường tỉnh Bắc Ninh tháng 3 năm 2022**

#### **I. TỔNG QUAN GIÁ CẢ HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ TIÊU DÙNG**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 tăng 0,59% so với tháng trước; tăng 2,26% so với cùng kỳ năm trước; tăng 2,22% so với tháng 12 năm trước. CPI bình quân ba tháng đầu năm 2022 tăng 1,5% so với cùng kỳ năm trước.

So với tháng trước, đồng loạt 10/11 nhóm có chỉ số giá tăng, tuy nhiên mức tăng không cao, chỉ có 3 nhóm có mức tăng xoay quanh với mức tăng chung: May mặc, mũ nón, giày dép (+0,21%); Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD (+0,86%); Bru chính viễn thông (+0,23% và nhóm Giao thông tăng cao (+4,08%), đây là nguyên nhân chính kéo CPI chung tăng. Chỉ có 01 nhóm chỉ số giá giảm: Văn hóa, giải trí và du lịch (-0,13%).

Một số nguyên nhân chủ yếu tác động làm tăng, giảm giá hàng hóa, dịch vụ trong tháng.

#### **1. Nguyên nhân thúc đẩy tăng giá**

(1) Giá lương thực nói chung và gạo các loại nói riêng tăng do nhu cầu tiêu dùng nhiều và yếu tố thời vụ, cụ thể: lương thực chế biến +0,27%;

(2) Giá gas tiếp tục tăng trong tháng;

(3) Giá xăng, dầu liên tiếp tục tăng do ảnh hưởng các lần điều chỉnh tăng giá xăng, dầu liên tục vào các ngày 01/3 và 11/3.

#### **2. Nguyên nhân tác động đến CPI tăng chậm lại như:**

Nhu cầu tiêu dùng thiết yếu giảm sau Tết, giá bán ổn định trở lại, nhất là các mặt hàng lương thực, thực phẩm nói chung như: gạo các loại (-0,2%); bột mỳ và ngũ cốc khác (-2,27%); thịt gia súc (-1,68%); thịt chế biến (-0,59%); thủy sản tươi sống (-1,2%) ...

#### **II. XU HƯỚNG BIẾN ĐỘNG CỦA MỘT SỐ NHÓM HÀNG CHÍNH**

##### **1. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,06%)**

**a) Lương thực (+0,32%)**

+ Chỉ số giá lương thực tháng 03 năm 2022 tăng 0,32% so với tháng trước, trong đó gạo tẻ thường (-0,35%); gạo tẻ ngon (+0,16%); gạo nếp tăng 0,18%; bột mì và ngũ cốc khác (-2,27%); lương thực chế biến (+1,47%).

**b) Thực phẩm (+0,03%)**

Giá thịt gia súc tươi sống (-1,68%), trong đó giá thịt lợn (-1,40%); giá thịt bò (-1,99%); nội tạng (-3,84%); giá thịt gia cầm tươi sống tăng 0,19%; trong đó: giá thịt gà tăng 0,25%; mỡ +0,11%... giá thịt gia cầm khác -0,14%. Giá thịt chế biến -0,59%. Giá thủy sản tươi sống -1,20%; thủy sản chế biến +2,11% ...rau tươi, khô và chế biến (+6,91%); quả tươi các loại (-0,8%)

**2. Đồ uống và thuốc lá (+0,17%)**

Nguyên nhân chính do giá rượu các loại +0,15%; thuốc hút (+0,58%)

**3. May mặc, mũ nón, giày dép (+0,21%)**

Thời tiết chuyển mùa nhu cầu tiêu dùng tăng trở lại: quần áo may sẵn +0,34%; dịch vụ may mặc, mũ nón, giày dép +2,58%.

**4. Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD (+0,86%)**

Nguyên nhân chính do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở (+1,19%), cộng thêm giá ga và các loại chất đốt khác +13,54%.

**5. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,06%)**

Phục vụ nhu cầu tăng do dịch Covid gia tăng, giá một số loại thuốc tăng do giá nhập tăng như thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng (+0,73%); dụng cụ y tế (+0,72%)

**6. Giao thông (+4,08%)**

Chỉ số nhóm +4,08% , một mặt do giá phương tiện (+0,28%), mặt khác do giá nhiên liệu (+13,04% do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh tăng giá 2 lần trong tháng vào ngày 01 và 11/3, trong đó xăng +13,41%; dầu diezen +18,25%.

**7. Bưu chính viễn thông (+0,23%)**

Do giá nhập tăng nên giá bán thiết bị điện thoại +0,66%.

**8. Văn hóa, giải trí và du lịch (-0,13%)**

Chỉ số nhóm -0,13% do giá hoa và cây cảnh -3,72%

**9. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,27%)**

Chỉ số nhóm này +0,27% chủ yếu do giá đồ dùng cá nhân +0,8%; trong đó giá đồ trang sức +7,02% bởi giá vàng trong nước biến động tăng.

### **III. GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ-LA MỸ**

Trong tháng, giá vàng và đô la Mỹ đồng loạt biến động tăng. So với tháng trước, giá vàng +3,48%, đô la Mỹ +0,68%. Bình quân tháng, giá vàng bán ra ở mức 5.526.00đ/chỉ (+186.000), giá đô la Mỹ bán ra ở mức 2.298.679 đ/100USD./.

***Nơi nhận :***

- Vụ TKG (TCTK); Cục TTDL
- Sở Công Thương (để phối hợp);
- Phòng TKTH;
- Lưu KT,VT.

**KT.CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Lê Văn Phát**